

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST
Ngày 25-6-2020
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- T phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thanh Loan.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Việt Tú
2. Ông Bà Hà Thị Hải

-Thư ký phiên tòa: bà Phan Thị Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 58/2020/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Hồng N – Sinh năm 1991

Địa chỉ: Số nhà 05, khu Q, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ (có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu Q - Sinh năm 1989

Địa chỉ: Số nhà 05, khu Q, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, chị Phạm Hồng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Hồng N và anh Nguyễn Hữu Q kết hôn ngày 12/3/2014, khi kết hôn có tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn S (nay là thị trấn C), huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống

chung với bố mẹ anh Q. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chị N cho rằng do anh Q chơi bời, có quan hệ phức tạp với người phụ nữ khác. Chị đã cùng gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng anh Q không thay đổi. Vợ chồng đã sống ly thân kể từ tháng 02/2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Q để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là: cháu Nguyễn Quang H, sinh ngày 05/12/2014. Hiện cháu H đang sinh sống cùng chị. Ly hôn đặt ra chị xin được nuôi con, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Không đề nghị Tòa án giải quyết

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên hòa giải, anh Nguyễn Hữu Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Q thừa nhận lời trình bày của chị N về thời gian kết hôn, quá trình chung sống là đúng. Anh cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Khoảng tháng 2 năm 2020, anh có đi làm ăn xa. Khi đi được vài ngày thì gia đình anh cho biết chị N đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở. Nay chị N xin ly hôn, quan điểm của anh không đồng ý ly hôn. Anh mong muốn vợ chồng anh về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị N trình bày là đúng. Nếu ly hôn, anh xin trực tiếp nuôi con chung là cháu H và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX xem xét cho chị N ly hôn anh Q vì anh chị đã mâu thuẫn trong thời gian dài, đã sống ly thân nhau. Trong thời gian sống ly thân và quá trình tòa án giải quyết vụ án, anh không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng; mục đích hôn nhân của chị N và anh Q không đạt được.

+ Về con chung: Đề nghị HĐXX xem xét giao con chung là cháu H cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng do chị N có công việc ổn định, anh Q hiện tại thường xuyên đi làm xa nhà.

+ Về tài sản chung, công nợ, công sức: không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: chị N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn và về con chung giữa chị Phạm Hồng N và anh Nguyễn Hữu Q là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Chị N và anh Q đều có nơi cư trú tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Hữu Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự thực hiện việc xét xử vụ án là đúng quy định của Pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Phạm Hồng N và anh Nguyễn Hữu Q tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S (nay là thị trấn C), huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 12/3/2014 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng mất lòng tin ở nhau. Hiện chị N và anh Q đã sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân (kể từ tháng 02/2020) đến nay, anh Q không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Qua việc xác minh ý kiến của Chính quyền địa phương cũng như Hội phụ nữ thị trấn Cẩm Khê nơi vợ chồng chị N anh Q sinh sống có xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, địa phương không tiến hành hòa giải do các bên không đề nghị địa phương hòa giải ở cơ sở, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật trên cơ sở bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em. Như vậy, xác định tình cảm vợ chồng chị N, anh Q không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị N xin ly hôn anh Q là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Cần chấp nhận xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn anh Nguyễn Hữu Q.

* Về con chung: chị Phạm Hồng N và anh Nguyễn Hữu Q có 01 con chung là cháu Nguyễn Quang H, sinh ngày 05/12/2014. Hiện nay cháu H đang ở cùng chị N do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hơn nữa, chị N đang có công việc và thu nhập ổn định. Anh Q đang có nghề nghiệp là lao động tự do. Bản thân anh Q cũng trình bày tại tòa án hiện nay đang thường xuyên đi làm ăn xa. Vì vậy xét nên giao con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo điều kiện cháu H được chăm sóc, nuôi dưỡng một cách tốt nhất. Anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không yêu cầu.

* Về tài sản chung, công nợ, công sức: Hai bên đều không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: chị Phạm Hồng N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 56, điều 81, điều 82 và điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 điều 27, điểm b khoản 6 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Phạm Hồng N được ly hôn anh Nguyễn Hữu Q.

2. *Về con chung*: Giao cho chị Phạm Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Quang H, sinh ngày 05/12/2014; Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N. Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, công nợ chung, công sức*: Hai bên không đề nghị Tòa án giải quyết

3. *Về án phí*: Chị Phạm Hồng N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003534 ngày 25/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị N có mặt có quyền kháng cáo, anh Q vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

VKSND tỉnh, huyện CK;
- Đường sự;
- Chi cục THADS h Cẩm Khê;
- UBND tt C;
- Lưu HS; VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Hà Thanh Loan

